

Bản án số: 460/2022/HS-PT

Ngày: 18-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 388/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị Kim K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

LÊ THỊ KIM K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1982 tại Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; Nơi tạm trú: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn L (sinh năm 1954) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1958). Gia đình có 03 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ hai. Có chồng là ông Vũ Quốc K (sinh năm 1977) và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 18/05/2021 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kim K: Ông Chế Giang S - Luật sư Công ty luật TNHH N thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 10/2019, với danh nghĩa là Giám đốc quan hệ khách hàng của Ngân hàng P (P) chi nhánh quận L, số 699 đường T, quận L, TP. Đà Nẵng, Lê Thị Kim K đã đưa ra thông tin gian dối cần tiền để đầu tư, kinh doanh; đáo hạn ngân hàng, qua đó nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

Vụ thứ 1: Thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội, anh Nguyễn Hữu B (sinh năm: 1964, trú tại: tổ 87, phường H, quận C) biết Lê Thị Kim K đang làm việc tại Ngân hàng P, chi nhánh L. K nói đang cần tiền để làm đáo hạn ngân hàng nên hỏi anh B có tiền thì giao cho K làm. Tin tưởng lời K nói, ngày 05/01/2019, K viết giấy mượn tiền và nhận của anh B 500.000.000 đồng, cam kết trả trong vòng 05 tháng, mỗi tháng sẽ trả cho ông B từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Sau đó, K đã trả cho ông B 04 tháng, mỗi tháng 25.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng. Còn lại 400.000.000 đồng, K đã chiếm đoạt.

Vụ thứ 2: Tương tự như vụ thứ nhất, Lê Thị Kim K quen biết chị Mai Thị D (sinh năm: 1967, trú tại tổ 66, phường H, quận C) khi chị D thường xuyên giao dịch tại Ngân hàng nơi K làm việc. K nói đang cần tiền để làm đáo hạn ngân hàng nên hỏi chị D có tiền thì giao cho K làm. Vì tin tưởng K nên vào ngày 30/6/2019, K viết giấy mượn tiền và nhận của chị D 150.000.000 đồng, cam kết trong vòng 05 tháng sẽ trả. Sau khi nhận tiền, K đã sử dụng để tiêu xài cá nhân. Trong thời gian chiếm đoạt tiền của chị D, K đã tự nguyện trả cho chị D 27.000.000 đồng tiền lãi. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 3: Lê Thị Kim K và anh Nguyễn Xuân K (sinh năm: 1977, trú tại: tổ 27, phường H, quận L) có quan hệ quen biết vì anh K thường xuyên giao dịch tại Ngân hàng nơi K làm việc. Lúc này, K đưa ra nhiều thông tin như: cần tiền mua đất tại H, cần tiền để làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng cho khách...nên hỏi mượn tiền anh K, vì tin tưởng nên anh K đồng ý cho K mượn tiền. Vào các ngày 20/7/2019, 22/7/2019, 12/8/2019, 19/8/2019, 27/9/2019 và 30/9/2019, tại Ngân hàng P, chi nhánh quận L, K viết giấy mượn tiền và nhận của anh K tổng cộng 3.950.000.000 đồng, hứa hẹn trong vòng 06 đến 10 ngày sẽ trả. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 4: Lê Thị Kim K nói dối với chị Lê Bình M (sinh năm: 1984, trú tại: tổ 65, phường T, quận H) cần tiền để K cho bên thứ 3 vay nhằm mục đích hoàn thiện toàn bộ thủ tục mua bán đất để vay ngân hàng. Khi ngân hàng giải ngân xong, bên thứ 3 trả tiền lại thì K sẽ trả tiền lại cho chị M. Chị M tin tưởng nên đồng ý cho K mượn. Vào các ngày 13/8/2019, 23/9/2018 và 01/10/2019, K viết giấy mượn tiền hứa hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả và nhận của chị M tổng

cộng 4.850.000.000 đồng, sau đó K có trả lại cho chị M 850.000.000 đồng mục đích để tạo niềm tin cho chị M, còn 4.000.000.000 đồng K chiếm đoạt.

Vụ thứ 5: Lê Thị Kim K và chị Lê Thị Thúy N (sinh năm: 1992, trú: quận C) có mối quan hệ quen biết do chị N uôn triao dịch tại Ngân hàng nơi K làm việc. K nói với chị N mượn tiền để mua bán lại những lô đất của khách hàng đang thế chấp sổ đỏ tại ngân hàng đã hết hạn và hứa sẽ trả hoa hồng cao cho chị N, vì tin tưởng nên chị N đồng ý cho K mượn tiền. Ngày 28/8/2019, K viết giấy mượn tiền và nhận 500.000.000 đồng, hứa hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả lại. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 6: Lê Thị Kim K và chị Phạm Thị L (sinh năm: 1968; trú quận L) có mối quan hệ quen biết do chị L thường xuyên giao dịch tại Ngân hàng nơi K làm việc. K nói với chị L mượn tiền để hỗ trợ cho khách vay bên ngân hàng mua đất, vì tin tưởng nên chị L đồng ý cho K mượn. Vào các ngày 03 và 04/10/2019, K viết giấy mượn tiền mượn của chị L tổng cộng 1.700.000.000 đồng hứa hẹn trong vòng 1 tuần đến 10 ngày sẽ trả lại tiền. Đến hạn K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 7: Lê Thị Kim K và anh Huỳnh Tấn H (sinh năm: 1981, trú tỉnh Quảng Nam) có mối quan hệ quen biết trong việc hợp tác làm đão hạn ngân hàng. K nói cần tiền để tiếp tục làm đão hạn ngân hàng cho khách nên mượn tiền của anh H, vì tin tưởng nên anh H đồng ý. Vào các ngày 16/9/2019, 27/9/2019, 02/10/2019 và 03/10/2019, K viết “giấy mượn tiền” nhận của anh H tổng cộng 3.400.000.000 đồng, hứa hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả lại tiền. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 8: Lê Thị Kim K và anh Tô Văn B (sinh năm: 1979, trú: quận L) có mối quan hệ quen biết vì từng giao dịch tại Ngân hàng nơi K làm việc. K hỏi mượn tiền anh B với lý do là có người nhà và người quen mua đất nhưng thiếu tiền, K sẽ làm thủ tục cho họ vay ngân hàng rồi trả lại cho anh B, vì tin tưởng nên anh B đồng ý. Vào ngày 20/9/2019, K viết 03 giấy mượn tiền và nhận của anh B tổng cộng 1.100.000.000 đồng, hứa hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả lại. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 9: Cũng với phương thức tương vụ thứ năm, vào các ngày 02, 03 và 04/10/2019, K viết giấy mượn tiền và nhận của chị Tạ Ngọc Linh K (sinh năm: 1992, trú quận C) tổng cộng 4.250.000.000 đồng, hứa trong vòng 10 ngày sẽ trả. Đến hạn, K không trả mà chiếm đoạt số tiền này.

Tổng cộng số tiền mà Lê Thị Kim K đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là **19.450.000.000 đồng** (mười chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)

Sau khi có được tiền, K khai đã đưa tất cả cho một người phụ nữ tên Vũ Thị Thanh N (sinh năm: 1980, cư trú tại: Cộng hòa Séc, số điện thoại: +X) để đầu tư kinh doanh bất động sản tại H Kông. Cụ thể, K đã trực tiếp giao tiền cho

Vũ Thị Thanh N 04 lần, mỗi lần K giao khoảng từ 900.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng tại trước cửa Ngân hàng P, chi nhánh L nơi K làm việc. Ngoài ra, K còn nhiều lần giao tiền cho nhiều người (khoảng 4-5 người khác nhau, theo K khai là người của bà N nói đến lấy tiền; K không biết những người này tên gì, địa chỉ ở đâu và cũng không có giấy tờ gì chứng minh).

Tang, tài vật thu giữ:

- 02 tờ giấy mượn tiền đề ngày 03/10/2019 và 04/10/2019 thể hiện việc K mượn tiền bà Phạm Thị L;

- 04 tờ giấy mượn tiền đề ngày ngày 16/9/2019, 27/9/2019, 02/10/2019 và 03/10/2019 thể hiện việc K mượn tiền ông Huỳnh Tấn H;

- 03 tờ giấy mượn tiền đề ngày 20/9/2019, thể hiện việc K mượn tiền ông Tô Văn B;

- 01 tờ giấy mượn tiền đề ngày 28/8/2019, thể hiện việc K mượn tiền bà Lê Thị Thúy N;

- 04 tờ giấy mượn tiền đề ngày ngày 02, 03 và 04/10/2019 thể hiện việc K mượn tiền bà Tạ Ngọc Linh K

- 03 tờ giấy mượn tiền đề ngày ngày 13/8/2019, 23/9/2019 và 01/10/2019, thể hiện việc K mượn tiền bà Lê Bình M;

- 01 tờ giấy mượn tiền đề ngày 05/01/2019, thể hiện việc K mượn tiền của ông Nguyễn Hữu B;

- 07 tờ giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2019, 22/7/2019, 12/8/2019, 19/8/2019, 27/9/2019 và 30/9/2019, thể hiện việc K mượn tiền của ông Nguyễn Xuân K;

- 01 tờ giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2019, thể hiện việc K mượn tiền của bà Mai Thị D;

Kết quả xác minh tại ngân hàng P, chi nhánh L xác định: Ngân hàng nghiêm cấm nhân viên thực hiện hoạt động đảo hạn ngân hàng. Việc thực hiện đảo hạn ngân hàng là hành vi bị cấm tại đây, việc K có thực hiện hoạt động đảo hạn ngân hàng hay không thì Ngân hàng không rõ. Hệ thống camera an ninh tại ngân hàng hoạt động tốt nhưng dữ liệu camera an ninh từ ngày 06/10/2019 trở về trước thì ngân hàng không còn lưu giữ

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 44/CT-VKS-P2 ngày 10/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Lê Thị Kim K tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 19/8/2022, bị cáo Lê Thị Kim K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Bị cáo lấy danh nghĩa Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP P tại quận L để vay tiền và chiếm đoạt của 9 người bị hại tổng số tiền 19.450.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng. Tuy nhiên, bị cáo có con còn nhỏ, gia đình có công cách mạng, bị cáo không lấy tiền chiếm đoạt làm nguồn sống chính nên phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp như bản án sơ thẩm đã xác định; đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Kim K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2019, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Lê Thị Kim K đã đưa ra thông tin gian dối như cần tiền để đầu tư, kinh doanh, đáo hạn ngân hàng thực hiện 09 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 19.450.000.000 đồng. Cụ thể: chiếm đoạt của các bị hại Phạm Thị L 1.700.000.000 đồng; Huỳnh Tấn H 3.400.000.000 đồng; Tô Văn B 1.100.000.000 đồng; Lê Thị Thúy N 500.000.000 đồng; Tạ Ngọc Linh K 4.250.000.000 đồng; Lê Bình M 4.000.000.000 đồng; Nguyễn Hữu B 500.000.000 đồng; Nguyễn Xuân K 3.950.000.000 đồng và Mai

Thị D 150.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Lê Thị Kim K đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên **19.450.000.000 đồng**.

[2] Hành vi trên của bị cáo Lê Thị Kim K đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo phạm tội thuộc các trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Có tính chất chuyên nghiệp*” là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 và bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hữu B và anh B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; gia đình có công cách mạng. Do số tiền chiếm đoạt lớn, hậu quả chưa được khắc phục nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng “*Có tính chất chuyên nghiệp*” đối với bị cáo, thấy rằng: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 05 lần trở lên và với cách thức, thủ đoạn tương tự nhằm phục vụ mục đích cá nhân để đầu tư, kinh doanh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Có tính chất chuyên nghiệp*” đối với bị cáo là có căn cứ, nên không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho rằng bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim K;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim K **tù chung thân** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/5/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị Kim K phải chịu 200.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự